

Số: /QĐ-SYT

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đối với Phòng Khám Đa Khoa Quốc tế Nam Việt trực thuộc Công ty TNHH MTV Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Nam Việt

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Bình Phước;

Căn cứ vào kết quả thẩm định của Đoàn thẩm định để cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đối với Phòng Khám Đa Khoa Quốc tế Nam Việt trực thuộc Công ty TNHH MTV Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Nam Việt;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng Khám Đa Khoa Quốc tế Nam Việt trực thuộc Công ty TNHH MTV Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Nam Việt (Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 392/BP-GPHĐ do Sở Y tế Bình Phước cấp ngày 19/7/2024): bổ sung 155 kỹ thuật (chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

Điều 2. Phòng Khám Đa Khoa Quốc tế Nam Việt trực thuộc Công ty TNHH MTV Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Nam Việt phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đã được Sở Y tế cho phép và quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 3. Các Ông, bà Trưởng Phòng Nghiệp vụ; Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng Sở Y tế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Phòng Khám Đa Khoa Quốc tế Nam Việt trực thuộc Công ty TNHH MTV Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Nam Việt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- UBND TP Đồng Xoài;
- TTYT TP Đồng Xoài;
- Giám đốc Sở Y tế;
- Các Phó Giám đốc Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV (T30.5).

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1

PHÊ DUYỆT BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT

**Trong khám bệnh, chữa bệnh của Phòng Khám Đa Khoa Quốc tế Nam Việt
trực thuộc Công ty TNHH MTV Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Nam Việt**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- SYT ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

STT	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1	2.336	02. NỘI KHOA	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân
2	21.119	21. THĂM DÒ CHỨC NĂNG	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (50g glucose) 2 mẫu cho người bệnh thai nghén
3	21.12	21. THĂM DÒ CHỨC NĂNG	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén
4	21.121	21. THĂM DÒ CHỨC NĂNG	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (100g glucose) 4 mẫu cho người bệnh thai nghén
5	21.122	21. THĂM DÒ CHỨC NĂNG	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin
6	22.23	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng D-Dimer
7	22.25	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng AT/AT III (Anti thrombin/Anti thrombinIII)
8	22.29	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng yếu tố đông máu nội sinh VIIIc, IX, XI
9	22.3	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng yếu tố đông máu ngoại sinh II, V, VII, X
10	22.33	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng yếu tố XII
11	22.45	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng Protein C toàn phần (Protein C Antigen)
12	22.46	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng Protein S toàn phần
13	22.47	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng hoạt tính Protein C (Protein Activity)
14	22.49	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Phát hiện kháng đông Lupus (LAC/LA screen: Lupus Anticoagulant screen)

15	22.5	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Khắc định kháng đông Lupus (LAC/LA confirm: Lupus Anticoagulant confirm)
16	22.68	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng antiCardiolipin IgG bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/điện hóa phát quang
17	22.69	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng antiCardiolipin IgM bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/điện hóa phát quang
18	22.7	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng anti β 2GPI IgG bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/điện hóa phát quang
19	22.71	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng anti β 2GPI IgM bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/điện hóa phát quang
20	23.2	23. HÓA SINH	Định lượng ACTH (Adrenocorticotrophic hormone) [Máu]
21	23.5	23. HÓA SINH	Định lượng Adiponectin [Máu]
22	23.6	23. HÓA SINH	Định lượng Aldosterone [Máu]
23	23.9	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase) [Máu]
24	23.12	23. HÓA SINH	Định lượng AMH (Anti- Mullerian Hormone) [Máu]
25	23.13	23. HÓA SINH	Định lượng Anti CCP (anti-cyclic citrullinated peptide antibodies) [Máu]
26	23.14	23. HÓA SINH	Định lượng Anti-Tg (Antibody-Thyroglobulin) [Máu]
27	23.15	23. HÓA SINH	Định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies) [Máu]
28	23.16	23. HÓA SINH	Định lượng Apo A ₁ (Apolipoprotein A ₁) [Máu]
29	23.17	23. HÓA SINH	Định lượng Apo B (Apolipoprotein B) [Máu]
30	23.24	23. HÓA SINH	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]
31	23.28	23. HÓA SINH	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide) [Máu]
32	23.36	23. HÓA SINH	Định lượng Calcitonin [Máu]
33	23.38	23. HÓA SINH	Định lượng Ceruloplasmin [Máu]

34	23.42	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]
35	23.43	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]
36	23.45	23. HÓA SINH	Định lượng C-Peptid [Máu]
37	23.46	23. HÓA SINH	Định lượng Cortisol (máu)
38	23.47	23. HÓA SINH	Định lượng Cystatine C [Máu]
39	23.48	23. HÓA SINH	Định lượng bổ thể C3 [Máu]
40	23.49	23. HÓA SINH	Định lượng bổ thể C4 [Máu]
41	23.5	23. HÓA SINH	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity) [Máu]
42	23.55	23. HÓA SINH	Định lượng 25OH Vitamin D (D3) [Máu]
43	23.61	23. HÓA SINH	Định lượng Estradiol [Máu]
44	23.62	23. HÓA SINH	Định lượng E3 không liên hợp (Unconjugated Estriol) [Máu]
45	23.63	23. HÓA SINH	Định lượng Ferritin [Máu]
46	23.65	23. HÓA SINH	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]
47	23.66	23. HÓA SINH	Định lượng free bHCG (Free Beta Human Chorionic Gonadotropin) [Máu]
48	23.67	23. HÓA SINH	Định lượng Folate [Máu]
49	23.73	23. HÓA SINH	Định lượng GH (Growth Hormone) [Máu]
50	23.85	23. HÓA SINH	Định lượng HE4 (human epididymal protein 4) [Máu]
51	23.89	23. HÓA SINH	Định lượng IL-6 (Interleukin 6) [Máu]
52	23.93	23. HÓA SINH	Định lượng IgE (Immunoglobuline E) [Máu]
53	23.94	23. HÓA SINH	Định lượng IgA (Immunoglobuline A) [Máu]
54	23.95	23. HÓA SINH	Định lượng IgG (Immunoglobuline G) [Máu]
55	23.96	23. HÓA SINH	Định lượng IgM (Immunoglobuline M) [Máu]
56	23.98	23. HÓA SINH	Định lượng Insulin [Máu]
57	23.11	23. HÓA SINH	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]
58	23.111	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [Máu]

59	23.117	23. HÓA SINH	Định lượng Myoglobin [Máu]
60	23.118	23. HÓA SINH	Định lượng Mg [Máu]
61	23.12	23. HÓA SINH	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase) [Máu]
62	23.121	23. HÓA SINH	Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu]
63	23.128	23. HÓA SINH	Định lượng Phospho (máu)
64	23.129	23. HÓA SINH	Định lượng Pre-albumin [Máu]
65	23.13	23. HÓA SINH	Định lượng Pro-calcitonin [Máu]
66	23.131	23. HÓA SINH	Định lượng Prolactin [Máu]
67	23.134	23. HÓA SINH	Định lượng Progesteron [Máu]
68	23.137	23. HÓA SINH	Định lượng Pro-GRP (Pro- Gastrin-Releasing Peptide) [Máu]
69	23.14	23. HÓA SINH	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon) [Máu]
70	23.141	23. HÓA SINH	Định lượng Renin activity [Máu]
71	23.142	23. HÓA SINH	Định lượng RF (Rheumatoid Factor) [Máu]
72	23.144	23. HÓA SINH	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen) [Máu]
73	23.151	23. HÓA SINH	Định lượng Testosterol [Máu]
74	23.156	23. HÓA SINH	Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies) [Máu]
75	23.159	23. HÓA SINH	Định lượng Troponin T [Máu]
76	23.16	23. HÓA SINH	Định lượng Troponin T hs [Máu]
77	23.161	23. HÓA SINH	Định lượng Troponin I [Máu]
78	23.162	23. HÓA SINH	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]
79	23.169	23. HÓA SINH	Định lượng Vitamin B12 [Máu]
80	23.172	23. HÓA SINH	Điện giải (Na, K, Cl) [niệu]
81	23.176	23. HÓA SINH	Định lượng Axit Uric [niệu]
82	23.18	23. HÓA SINH	Định lượng Canxi (niệu)
83	23.183	23. HÓA SINH	Định lượng Cortisol (niệu)
84	23.184	23. HÓA SINH	Định lượng Creatinin (niệu)
85	23.189	23. HÓA SINH	Định lượng MAU (Micro Albumin Urine) [niệu]
86	23.197	23. HÓA SINH	Định lượng Phospho [niệu]
87	23.205	23. HÓA SINH	Định lượng Urê (niệu)
88	23.228	23. HÓA SINH	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)
89	23.239	23. HÓA SINH	Định lượng Inhibin A

90	BS_23.284	23. HÓA SINH	Định lượng 17-Hydroxyprogesterone (17-OHP)
91	BS_23.287	23. HÓA SINH	Methamphetamin(test nhanh)
92	BS_23.288	23. HÓA SINH	Barbiturate (test nhanh)
93	BS_23.289	23. HÓA SINH	Benzodiazepin (test nhanh)
94	BS_23.291	23. HÓA SINH	Cocain niệu (test nhanh)
95	BS_23.304	23. HÓA SINH	IAA (Insulin Autoantibodies)
96	24.63	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Chlamydia Ab miễn dịch tự động
97	24.76	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Helicobacter pylori Ab miễn dịch bán tự động
98	24.83	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Mycoplasma pneumoniae Ab miễn dịch tự động
99	24.85	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Mycoplasma hominis test nhanh
100	24.94	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Streptococcus pyogenes ASO
101	24.103	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Ureaplasma urealyticum test nhanh
102	24.119	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg miễn dịch tự động
103	24.124	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAb định lượng
104	24.131	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBeAg miễn dịch bán tự động
105	24.132	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBeAg miễn dịch tự động
106	24.134	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBeAb miễn dịch bán tự động
107	24.135	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBeAb miễn dịch tự động
108	24.156	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HAV IgM miễn dịch bán tự động
109	24.157	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HAV IgM miễn dịch tự động
110	24.158	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HAV total miễn dịch bán tự động
111	24.159	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HAV total miễn dịch tự động
112	24.16	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HDV Ag miễn dịch bán tự động
113	24.161	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HDV IgM miễn dịch bán tự động

114	24.162	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HDV Ab miễn dịch bán tự động
115	24.166	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HEV IgM miễn dịch tự động
116	24.168	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HEV IgG miễn dịch tự động
117	24.171	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HIV Ab miễn dịch bán tự động
118	24.172	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HIV Ab miễn dịch tự động
119	24.173	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động
120	24.174	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động
121	24.193	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	CMV IgM miễn dịch bán tự động
122	24.194	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	CMV IgM miễn dịch tự động
123	24.195	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	CMV IgG miễn dịch bán tự động
124	24.196	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	CMV IgG miễn dịch tự động
125	24.202	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HSV 1 IgM miễn dịch tự động
126	24.204	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HSV 1 IgG miễn dịch tự động
127	24.206	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HSV 2 IgM miễn dịch tự động
128	24.208	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HSV 2 IgG miễn dịch tự động
129	24.21	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HSV 1+2 IgM miễn dịch tự động
130	24.212	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HSV 1+2 IgG miễn dịch tự động
131	24.217	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	EBV IgM miễn dịch tự động
132	24.219	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	EBV IgG miễn dịch tự động
133	24.236	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Hantavirus test nhanh
134	24.243	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Influenza virus A, B test nhanh

135	24.258	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Rubella virus IgG miễn dịch tự động
136	24.267	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Trứng giun, sán soi tươi
137	24.268	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Trứng giun soi tập trung
138	24.272	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Angiostrogylus cantonensis (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch bán tự động
139	24.274	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch bán tự động
140	24.276	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn dịch bán tự động
141	24.278	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) Ab miễn dịch bán tự động
142	24.28	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Entamoeba histolytica (Amip) Ab miễn dịch bán tự động
143	24.282	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động
144	24.285	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán tự động
145	24.287	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Paragonimus (Sán lá phổi) Ab miễn dịch bán tự động
146	24.292	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Schistosoma (Sán máng) Ab miễn dịch bán tự động
147	24.294	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động
148	24.296	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động
149	24.299	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Toxoplasma IgM miễn dịch tự động
150	24.301	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Toxoplasma IgG miễn dịch tự động
151	24.303	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Trichinella spiralis (Giun xoắn) Ab miễn dịch bán tự động
152	24.338	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Cryptococcus test nhanh
153	BS_24.365	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Norovirus test nhanh
154	BS_24.374	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh

155	BS_24.375	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Xét nghiệm kháng nguyên SARS-CoV-2 từ bệnh phẩm dịch họng mũi trên máy miễn dịch (mẫu đơn)
-----	-----------	--------------------------------	--